TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2026/DS-ST
Ngày 31-3-2026
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Phi Hùng

Ông Đinh Chí Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Phượng Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 336/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2026/QĐXX-ST ngày 10 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thái Cẩm L, sinh năm 1989 (có yêu cầu vắng mặt)
Căn cước công dân số 096189015879, cấp ngày 10/8/2021
Địa chỉ cư trú: Ấp 11, xã K, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:*
1.Bà Trương Thị Kiều O, sinh năm 1989 (vắng mặt)
2.Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1988 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 10, xã K, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 24/11/2025 bà Thái Cẩm L trình bày:*

Do quen biết nên bà L và vợ chồng bà O, ông T có tham gia hợp đồng góp hụi với nhau do bà O, ông T làm chủ, cụ thể như sau:

- Hụi mở ngày 24/01/2025 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, gồm 13 chưng, bà L tham gia 01 chưng, hụi mỗi tháng khui 01 lần, bà L đóng được 10 kỳ với số tiền là 10.000.000 đồng.

-Hụi mở ngày 24/7/2025 âm lịch, hụi 2.000.000 đồng, gồm 15 chưng, bà L tham gia 01 chưng, hụi mỗi tháng khui 01 lần, bà L đóng được 02 kỳ với số tiền 4.000.000 đồng.

-Hụi mở ngày 13/7/2025 âm lịch, hụi 100.000 đồng/ngày, gồm 60 chưng, bà L tham gia 03 chưng, hụi mỗi ngày khui 01 lần, bà L đóng được 42 kỳ với số tiền là 12.600.000 đồng.

Tổng số tiền vợ chồng bà O, ông T nợ là 25.500.000 đồng nhưng đến nay vợ chồng bà O không trả cho bà L. Vì vậy, bà L yêu cầu vợ chồng bà O, ông T có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ hụi với số tiền 25.500.000 đồng cho bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Thái Cẩm L khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị Kiều O và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ thanh toán nợ hụi nên đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi; Bà O, ông T có địa chỉ cư trú tại ấp 10, xã K, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự nhưng ông T, bà O vắng mặt khi hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông bà theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà L có yêu cầu xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại đơn khởi kiện bà L yêu cầu bà O, ông T có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền hụi nợ là 25.500.000 đồng.

[4] Xét thấy yêu cầu của bà L về việc yêu cầu bà O, ông T thanh toán tiền hụi còn nợ là có cơ sở. Bởi vì tuy các bên tham gia hợp đồng góp hụi không có lập danh sách nhưng có lập trên nhóm hụi trên zalo và có xác nhận của các hụi viên T nhận có tham gia các chân hụi như bà L trình bày. Vì vậy có cơ sở cho rằng việc giao dịch góp hụi là thực tế có xảy ra. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tống đạt các văn bản tố tụng để thông báo yêu cầu của bà L về việc yêu cầu vợ

chồng bà O, ông T thanh toán tổng số tiền hụi nợ 25.500.000 đồng nhưng vợ chồng bà O không có văn bản ý kiến và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án không có lý do.

Từ những căn cứ nêu trên buộc bà O, ông T có nghĩa vụ thanh toán cho bà L tổng số tiền hụi còn nợ lại là 25.500.000 đồng là phù hợp.

[5] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà O, ông T phải chịu án phí – Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Cẩm L đối với bà Trương Thị Kiều O và ông Nguyễn Văn T về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Buộc bà Trương Thị Kiều O, ông Nguyễn Văn T có nghĩa thanh toán cho bà Thái Cẩm L tổng số tiền hụi còn nợ là 25.500.000 đ (Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bà Thái Cẩm L (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Trương Thị Kiều O, ông Nguyễn Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Kiều O và ông Nguyễn Văn T phải nộp 1.275.000 đ*(Một triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).*

Bà Thái Thị L không phải chịu án phí. Vào ngày 16/12/2025 bà L có dự nộp số tiền 637.500 đ (Sáu trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai số 0006471 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nay được nhận lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Phi Hùng – Đinh Chí Hiển **Nguyễn Kiều Trang**